

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/DS-ST

Ngày 29 – 3 – 2021

V/v đòi tài sản là nhà ở

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Kim Nguyễn

2. Bà Trần Thị Cúc

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Bích Như – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên toà:***  
Ông Ngô Kiên Định - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 và ngày 26, 29 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2020/TLST-DS, ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp đòi tài sản là nhà ở theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 897/2020/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ông Lê Hồng V, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp Thị T, xã Hưng M, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau.

***Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*** Anh Dương Công L, sinh năm 1983; Địa chỉ: số 112, đường Tô Hiến T, khóm 8, phường A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Hồng V (theo văn bản ủy quyền ngày 03/7/2020, có mặt).

***2. Bị đơn:*** Anh Lê Minh V1, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 299, đường Quang T, khóm 4, phường A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:*** Ông Đặng Minh H, Luật sư của Văn phòng luật sư Minh H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Chị Phạm Xuân D, sinh năm 1989; Số 299, đường Quang T, khóm 4, phường A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Cụ Lê Hiền S và cụ Hồ Thị A chung sống với nhau có 08 người con, cụ A chết năm 1999 còn cụ S chết năm 2015, cụ A chết không để lại di chúc. Quá trình chung sống, các cụ tạo lập được căn nhà và đất tọa lạc tại số 299, đường Quang T, khóm 4, phường A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước khi chết, cụ S có để lại di chúc tặng cho toàn bộ nhà, đất nêu trên cho con là Lê Hồng V nhưng di chúc không được công chứng chứng thực cũng không có người làm chứng ký tên chứng kiến, chỉ có cụ S ký tên. Sau khi cụ S chết, ông V là người quản lý, sử dụng tài sản trên. Đến năm 2017, anh Lê Minh V1 do không có chỗ ở nên hỏi mượn căn nhà để ở nhờ và thống nhất khi nào ông V cần thì sẽ trả lại, việc mượn nhà không có làm giấy tờ, không thỏa thuận thời gian trả. Khi mượn nhà, có ông Lê Văn Th là cha của anh V1 đứng ra cam kết với ông V nên ông V mới đồng ý. Quá trình sinh sống từ năm 2017 đến năm 2020, anh V1 chỉ làm thêm hai mái che chứ không cải tạo, sửa chữa nhà cũng không có bồi đắp gì trên đất. Khoảng đầu năm 2020, ông V có yêu cầu anh V1 cùng vợ là chị Phạm Xuân D trả lại căn nhà nêu trên cho ông quản lý, sử dụng và không đồng ý với yêu cầu phản tố của anh V1 cùng ý kiến của chị D

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý hoàn trả cho anh V1 tiền bồi đắp đất cùng chi phí vận chuyển đất để bồi đắp cùng tiền làm hai mái che theo định giá là 4.120.000đ, tổng các khoản với số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) còn các yêu cầu khác của anh V1, ông V không đồng ý và ông V yêu cầu anh V1, chị D phải hoàn trả lại chi phí đo đạc, định giá. Ngoài ra, ông V không yêu cầu gì khác.

*Tại đơn phản tố và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Minh V1 (bị đơn) trình bày:*

Năm 2016, do mới chấp hành án về không có chỗ ở nên cô thứ 5 của anh là bà Lê Thị Mai T hiện đang định cư ở Mỹ có kêu vợ chồng anh về sinh sống tại căn nhà số 299, đường Quang T, khóm 4, phường A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Nguồn gốc căn nhà trên là của cụ Lê Hiền S (ông nội của anh) chết để lại và anh sinh sống ở đây từ nhỏ cho đến nay, cụ S chết năm 2015. Khi vào ở, bà Mai T có nói khi nào nhà nước giải tỏa thì anh V1 mới giao trả lại nhà. Quá trình quản lý, sử dụng nhà anh V1 cho rằng đã sửa chữa căn nhà nhiều lần, cụ thể: Đổ đất đắp nền nhà sau sâu 01m, ngang 06m, dài 06m với số tiền công, vật tư 20.000.000đ; làm hàng rào bằng sắt vuông 5.000.000đ, làm mái che phía trước và phía hè, trán sân là 10.000.000đ; sửa toilet như dán gạch, mua vật dụng về sinh mới với số tiền 8.000.000đ; làm buồng cửa nhôm 2.000.000đ; làm la phong phòng 3.000.000đ; sửa và sơn nhà là 12.000.000đ nên anh V1 yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của ông V. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông V, thì anh V1 yêu cầu Tòa buộc

ông V hoàn trả lại chi phí đã bỏ ra bồi đắp, sửa chữa, cải tạo căn nhà với số tiền là 60.000.000đ và hỗ trợ chi phí di dời với số tiền 30.000.000đ. Đồng thời, cho vợ chồng anh lưu cư tại căn nhà trên với thời hạn 06 tháng để tìm chỗ ở mới.

Tại phiên tòa, anh V1 thừa nhận nhà và đất nêu trên là của cụ S, việc cụ S lập di chúc để lại tài sản trên cho ông V thì anh không biết đến khi ông V khởi kiện, anh mới biết nhưng theo anh tờ di chúc này không hợp pháp vì không có ai chứng thực. Việc ông V khởi kiện đòi nhà là chưa phù hợp vì đây không phải là tài sản của ông V, khi mượn nhà ở thì anh hỏi bà Mai T, ông V không có ở tại nhà đất này từ trước năm 2000 cho đến nay, căn nhà này do bà Mai T bỏ tiền ra xây dựng cho cụ S ở. Do đó, việc ông V khởi kiện là chưa đủ điều kiện khởi kiện bởi tài sản này vẫn là của ông nội anh chưa mở thừa kế, ông nội anh có 08 người con gồm: Lê Thanh L, Lê Hồng K (đã chết năm 2017), Lê Văn Th, Lê Thị Mai T, Lê Thị Mai L, Lê Thị Mai Tr, Lê Thị Mai P và Lê Hồng V. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông V thì anh V1 cũng đồng ý trả lại nhưng yêu cầu được quyền lưu cư tại căn nhà trên trong thời hạn 06 tháng vì hiện nay, vợ chồng anh cùng hai con nhỏ chưa tìm được chỗ ở mới. Đồng thời anh V1 vẫn giữ yêu cầu ông V trả lại cho vợ chồng anh các khoản với tổng số tiền là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) và rút lại yêu cầu hỗ trợ chi phí di dời với số tiền là 30.000.000đ. Ngoài ra, anh V1 không có yêu cầu nào khác.

*Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, chị Phạm Xuân D (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:*

Chị D thống nhất với lời trình bày cũng như yêu cầu của chồng chị là anh Lê Minh V. Ngoài ra, chị D không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:* Căn nhà và đất tọa lạc tại số 299, đường Quang T, khóm 4, phường A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau là của cụ Lê Hiền S, cụ S chết năm 2015 nhưng ông V cho rằng cụ S có lập di chúc cho ông căn nhà trên. Tuy nhiên, di chúc trên là không hợp pháp vì không được công chứng chứng thực, không có ai chứng kiến trong khi cụ S có đến 08 người con, di sản trên không phải của ông V nên ông V không có quyền khởi kiện. Việc anh V1 quản lý, sử dụng căn nhà trên là do bà Mai T kêu anh V1 về cho ở nhờ chứ không phải ông V. Quá trình quản lý, sử dụng nhà thì vợ chồng anh V1 có bồi đắp, cải tạo, sửa chữa nhà như anh V1 đã trình bày ở trên. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu của ông V. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông V thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh V1.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với việc giải quyết vụ án, với các chứng cứ có tại hồ sơ, lời khai của

đương sự tại phiên tòa đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông V, buộc vợ chồng anh V1 giao trả nhà và ghi nhận sự tự nguyện của ông V1 về việc hoàn trả lại giá trị hai mái che theo giá mà Cơ quan định giá đã định và hoàn trả lại số tiền anh V1 đã bỏ ra bồi đắp nền nhà phía sau với tổng số tiền các khoản là 20.000.000đ. Về án phí, xử lý theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Nguồn gốc nhà, đất tọa lạc tại số 299, đường Quang T, khóm 4, phường A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau có diện tích 144,2m<sup>2</sup> theo đo vẽ thực tế là của cụ Lê Hiền S (Lê Sĩ H) đã được cụ đăng ký mục kê vào các năm 1998, 2009 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trong phần đất này có 24,9m<sup>2</sup> nằm ở ven sông kinh Xáng Phụng Hiệp). Cụ S chết năm 2015 đến năm 2016, gia đình bị đơn về đây sinh sống nhưng bị đơn cho rằng do bà Lê Thị Mai T kêu về cho mượn nhà ở nhờ, chứ không mượn nhà từ nguyên đơn nên không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì bị đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền bồi đắp, sửa chữa nhà các khoản với số tiền 60.000.000đ và yêu cầu được lưu cư 06 tháng để tìm nơi ở mới còn nguyên đơn xác định, bị đơn mượn nhà từ nguyên đơn có cha của bị đơn cũng là anh ruột của nguyên đơn đứng ra cam kết nên yêu cầu vợ chồng bị đơn giao trả lại nhà cho nguyên đơn quản lý, sử dụng và đồng ý hoàn trả cho bị đơn số tiền là 20.000.000đ, các đương sự không có tranh chấp gì về đất. Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau nên xảy ra tranh chấp và trong vụ án này, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về đòi lại tài sản cho ở nhờ cụ thể là đòi lại nhà.

[2] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng căn nhà và phần đất tọa lạc tại địa chỉ nêu trên là di sản của cụ Lê Hiền S chết để lại, các đương sự không tranh chấp về chia thừa kế, không tranh chấp về đất mà chỉ tranh chấp việc nguyên đơn có quyền khởi kiện, có cho bị đơn mượn nhà để ở nhờ hay không. Xét thấy, tờ di chúc của ông Văn cung cấp không đề ngày tháng, không có công chứng chứng thực, không có người làm chứng, chỉ có cụ S ký tên nên di chúc trên chưa đúng với quy định của pháp luật về thừa kế nên di sản là nhà và đất của cụ S chết để lại phải được chia theo quy định của pháp luật, cụ Sĩ có 08 người con trong đó có 01 người con tên Lê Thị Mai T đang định cư ở Mỹ, 01 người con tên Lê Hồng K đã chết năm 2017. Do đó, những người con còn sống trong đó có nguyên đơn và các cháu của cụ S là con của ông Lê Hồng K là những người thừa kế theo pháp luật, thừa kế thế vị - Đây là những người có quyền về tài sản đối với di sản do cụ S chết để lại. Hơn nữa, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả nhà để nguyên đơn quản lý, sử dụng chứ không phải giao lại cho nguyên đơn toàn quyền sở hữu, định đoạt di sản thừa kế nêu trên nên nguyên đơn là người có quyền khởi kiện. Chính vì lẽ đó, Tòa án không làm việc đối với người con định cư ở Mỹ của ông S là bà T, cũng không chuyển vụ án lên Tòa án cấp tỉnh để giải quyết theo thẩm quyền do có yếu tố nước ngoài và không làm việc với những người thừa kế thế vị là các con của ông K. Tuy Tòa án đã làm việc với

những người con của cụ S còn sống và hiện cư trú tại Việt Nam nhưng không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bởi đây không phải là tranh chấp về thừa kế, anh V là cháu của cụ S nhưng không phải thuộc hàng thừa kế thứ nhất cũng không phải là người thừa kế thế vị. Cho nên, những người thừa kế theo pháp luật và thừa kế thế vị nếu có tranh chấp về thừa kế về di sản là nhà, đất tọa lạc tại địa chỉ nêu trên thì được quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết chia di sản thừa kế trong vụ án này.

[3] Xét yêu cầu của bị đơn cùng lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thấy rằng chưa có căn cứ để xác định việc bị đơn mượn nhà trên từ bà Lê Thị Mai T trong khi ông Lê Văn Th là cha của bị đơn đã xác nhận và có lời khai tại Tòa về việc bị đơn hỏi mượn nhà nguyên đơn để ở nhờ, ông Th là người đứng ra cam kết với nguyên đơn để gia đình bị đơn được ở nhờ trong căn nhà nêu trên. Hơn nữa, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn giao trả lại nhà cho nguyên đơn quản lý, sử dụng chứ không phải giao để đứng tên sở hữu, định đoạt và bị đơn cũng thừa nhận có việc mượn nhà ở nhờ nên việc bị đơn yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là chưa có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên, theo sổ mục kê do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp thể hiện diện tích đất cụ S kê khai đăng ký so với diện tích đất theo đo đạc thực tế có chênh lệch tăng thêm và việc tăng thêm diện tích do có sự lấn chiếm, bồi đắp phần đất ven sông kinh Xáng Phụng Hiệp đều này được các đương sự thừa nhận tại phiên tòa nên nguyên đơn cũng đồng ý việc hoàn trả số tiền bị đơn đã bỏ ra bồi đắp đất và giá trị hai mái che theo giá mà Cơ quan định giá đã định. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy với chứng cứ do các bên cung cấp thể hiện việc bị đơn có bồi đắp, sửa chữa, cải tạo nhà trong thời gian ở nhờ là có thật nhưng việc sửa chữa, tôn tạo lại nhà cũng một phần nhằm mục đích phục vụ cho cuộc sống, sinh hoạt của gia đình bị đơn nên trong số tiền bị đơn yêu cầu cần chấp nhận một phần gồm các khoản: tiền đất và tiền công đổ đất đắp nền là 20.000.000đ; tiền hai mái che theo định giá, tiền trát sân là 8.000.000đ; tiền là buồng cửa nhôm, làm la phong phòng là 5.000.000đ; làm hàng rào bằng sắt vuông và sửa, dán gạch toilet là 7.000.000đ. Tổng các khoản được chấp nhận với số tiền là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), phần chênh lệch anh V1 không được chấp nhận với số tiền là 20.000.00đ.

Số tiền 40.000.000đ này, nguyên đơn có trách nhiệm hoàn trả cho bị đơn cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trường hợp giữa những người thừa kế có tranh chấp chia thừa kế tài sản nêu trên, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu đối trừ số tiền đã hoàn trả cho bị đơn vào kỷ phần thừa kế mà những người thừa kế được chia.

[4] Đối với việc hỗ trợ chi phí di dời, bị đơn rút lại yêu cầu – đây là ý chí, quyền tự định đoạt của bị đơn nên chấp nhận.

[5] Về quyền lưu cư, theo quy định của pháp luật dân sự thì không có quy định về việc cho bị đơn được quyền lưu cư. Tuy nhiên, tại Điều 63 Luật Hôn nhân và gia

đình năm 2014 có quy định vấn đề này nhưng chỉ được áp dụng trong trường hợp vợ chồng ly hôn có phân chia tài sản là nhà, đất mà một trong các bên vợ hoặc chồng sau khi ly hôn chưa tìm được nơi ở mới. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, gia đình bị đơn có hoàn cảnh khó khăn, con còn nhỏ, bị đơn chưa tìm được nơi ở mới và theo truyền thống, phong tục tập quán của người Việt Nam về tình đoàn kết, tương thân, tương ái nên chấp nhận cho nguyên đơn được quyền lưu cư tại căn nhà trên trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật để tìm nơi ở mới là phù hợp.

[6] Về chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ với số tiền tiền là 16.002.000đ, do yêu cầu của bị đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn có trách nhiệm hoàn trả lại cho đơn 30% số tiền chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ tương ứng với số tiền là 4.800.000đ (bốn triệu tám trăm nghìn đồng), phần còn lại nguyên đơn phải chịu.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn phải chịu đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 147, 157 và Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng V, buộc anh Lê Minh V1 và chị Phạm Xuân D giao trả lại căn nhà mượn ở nhờ tọa lạc số 299, đường Quang T, khóm 4, phường A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau cho ông Lê Hồng V quản lý, sử dụng.

Anh Lê Minh V1 và chị Phạm Xuân D được quyền lưu cư tại căn nhà số 299, đường Quang T, khóm 4, phường A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật để tìm nơi ở mới.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Lê Minh V1, buộc ông Lê Hồng V trả lại cho anh Lê Minh V1, chị Phạm Xuân D số tiền bồi đắp, sửa chữa, tôn tạo nhà là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

*Kể từ ngày anh Vũ, chị Diệu có đơn yêu cầu thi hành án, ông Văn không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.*

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Lê Minh V1, chị Phạm Xuân D kiện đòi ông Lê Hồng V trả số tiền chênh lệch do bồi đắp, sửa chữa tôn tạo nhà là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Về chi phí tố tụng, anh Lê Minh V1 và chị Phạm Xuân D phải trả lại cho ông Lê Hồng V số tiền 4.800.000đ (bốn triệu tám trăm nghìn đồng)

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Hồng V phải chịu số tiền 2.000.000đ. Ngày 27/4/2020, ông V đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai thu số 001691 được đối trừ chuyển thu vào ngân sách nhà nước, ông V còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng – Chưa nộp).

Anh Lê Minh V1 và chị Phạm Xuân D phải chịu số tiền 1.000.000đ. Ngày 23/6/2020, anh V1 đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 2.250.000đ theo biên lai thu số 0002034 được đối trừ chuyển thu số tiền 1.000.000đ nộp vào ngân sách nhà nước, số tiền còn lại là 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm chục nghìn đồng) được trả lại cho anh V1.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**  
(Đã ký)

**Lâm Hoài Ân**